

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026 so với cùng kỳ 6 tháng năm trước (tỷ lệ %)
-----	----------	-------------	--------------------------------	-------------------------------------	---

Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi công khai tình hình thực hiện dự toán thu chi ngân sách năm 6 tháng năm 2026 như sau:

1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí	80.095	39.527	49%	
a	Lệ phí				
b	Học phí + Thu Khác	80.095	39.527	49%	
1	Trường THPT Bình Sơn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.675	928,20	55%	
2	Trường THCS-THPT Vạn Tường				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.635	201,31	12%	
3	Trường THPT Trần Kỳ Phong				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.626	898,30	55%	
4	Trường THPT Lê Quý Đôn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.503	973,60	65%	
5	Trường THPT Võ Nguyên Giáp				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.678	1.158,30	43%	
6	Trường THPT Ba Gia				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.715	949,00	55%	
7	Trường THPT Sơn Mỹ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.492	821,60	55%	
8	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.105	1.000,00	48%	
9	Trường THPT Trần Quốc Tuấn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.023	1.193,25	39%	
10	Trường THPT Chuyên Lê Khiết				

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.948	897,60	46%	
11	Trường THPT Lê Trung Đình				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.483	1.094,80	44%	
12	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.294	707,20	55%	
13	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	721	382,20	53%	
14	Trường THPT Nguyễn Công Phương				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	779	424,45	54%	
15	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.725	792,50	46%	
16	Trường THPT số 2 Tư Nghĩa				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.265	678,00	54%	
17	Trường THPT Thu Xà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.379	765,70	56%	
18	Trường THPT Chu Văn An				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.147	629,85	55%	
19	Trường THPT Phạm Văn Đồng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.196	700,00	59%	
20	Trường THPT Số 2 Mộ Đức				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.195	673,27	56%	
21	Trường THPT Trần Quang Diệu				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.159	645,45	56%	
22	Trường THPT Nguyễn Công Trứ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	865	484,25	56%	

23	Trường THPT số 1 Đức Phổ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.254	1.045,60	83,38%	
24	Trường THPT số 2 Đức Phổ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.240	752,90	61%	
25	Trường THPT Lương Thế Vinh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	984	703,80	72%	
26	Trường THPT Lý Sơn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	611	342,00	56%	
27	Trường THPT Ba Tơ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.137	626,50	55%	
28	Trường THPT Sơn Hà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.161	955,00	82%	
29	Trường THPT Trà Bồng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.007	32,20	3%	
30	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	654	282,00	43%	
31	Trường THPT Minh Long				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	542	279,50	52%	
32	Trường THPT Tây Trà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	541	262,90	49%	
33	Trường THPT Phạm Kiệt				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	730	307,32	42%	
34	Trường THPT Quang Trung				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.204	532,12	44%	
35	Trường THCS- THPT Phạm Kiệt				

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	906	451	50%	
36	Trung tâm GDTX Tỉnh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.033	500,00	48%	
37	Trường THCS- THPT Phó Mục Gia				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	739	385,78	52%	
38	Trường PTDTNT-THPT tỉnh				-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	765	414	54%	-
39	Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tỉnh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
40	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Bình Sơn				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	638	319	50%	
41	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	810	395,20	49%	
42	Trung tâm GGNN-GDTX Khu vực Đức Phổ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.368	719,95	53%	
43	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực Ba Tơ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	188	67,50	36%	
44	Trường Trung học phổ thông Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.196	1.000	46%	
45	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	786	-	0%	
46	Trường Trung học phổ thông Duy Tân				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.528	782,15	51%	
47	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Hà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.234	568	46%	
48	Trường THPT Trần Hưng Đạo				

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.393	768,95	55%	
49	Trường THPT Nguyễn Trãi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.762	937,17	53%	
50	Trường THPT Trần Phú				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	734	450,00	61%	
51	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Glei				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	636	254,05	40%	
52	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	862	700,00	81%	
53	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Sa Thầy				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	621	500	81%	
54	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Măng Đen				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	724	258,000	36%	
55	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Rve				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	384	182,00	47%	
56	Trường THPT Phan Đình Phùng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	456	179,14	39%	
57	Trường THPT Lê Lợi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.320	574,60	44%	
58	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk tô				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	624	286,00	46%	
59	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.030	544,05	53%	
60	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Tu Mơ Rông				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	528	245,000	46%	
61	Trường THCS-THPT Ngô Mây				

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.166	630,70	54%	
62	Trường THCS -THSP Lý Tự Trọng				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.381	767,50	56%	
63	Trường Tiểu học thực hành sư phạm Ngụy Như Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	#DIV/0!	
64	Trường Mầm non thực hành sư phạm Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	441	245,57	56%	
65	Trường THPT Trường Chinh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.264	683,40	54%	
66	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.467	181,53	12%	
67	Trường THPT Phan Bội Châu				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	460	112,00	24%	
68	Trường THPT Phan Chu Trinh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	524	269,10	51%	
69	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.683	940,53	56%	
70	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Ia Toi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	345	150,0	43%	
71	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục Thường xuyên Đắk Glei				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	202	75,00	37%	
72	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên Ngọc Hồi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	433	39,48	9%	c
73	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Tô				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	185,00	75,92	41%	
74	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Hà				

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	300	134,16	45%	
75	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Sa Thầy				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	192	94,26	49%	
76	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Rẫy				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	78	32,00	41%	
77	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Plông				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	83	35	42%	
78	Trung tâm GD Nghề nghiệp- GDTX Tu Mơ Rông				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	92	29	32%	
79	Trung tâm GDTX Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	861	430,00	50%	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp	7.778.782,651	9.917,376	0%	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.778.782,651	9.917,376		
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	-		
1	Văn phòng Sở GDĐT	-	-	-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-	-	
2	Trường THPT Bình Sơn			-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	928,200	120,000	13%	
3	Trường THCS-THPT Vạn Tường	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	201,310	-	0%	
4	Trường THPT Trần Kỳ Phong	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	898,300	369,440016	41%	
5	Trường THPT Lê Quý Đôn	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	973,601	326,074	33%	

6	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.158,300	511,663	44%	
7	Trường THPT Ba Gia	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	949,000	-	0%	
8	Trường THPT Sơn Mỹ	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	821,600	-	0%	
9	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.000,000	320,295	32%	
10	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.193,250	172,663	14%	
11	Trường THPT Chuyên Lê Kiết	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	897,600	409,719	46%	
12	Trường THPT Lê Trung Đình	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.094,800	428,295	39%	
13	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	707,200	-	0%	
14	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	382,200	22,493	6%	
15	Trường THPT Nguyễn Công Phương	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	424,450	72,605	17%	
16	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.725,000	271,000	16%	
17	Trường THPT số 2 Tư Nghĩa	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.265,000	204,000	16%	
18	Trường THPT Thu Xà		-	-	

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	765,700	258,000	34%	
19	Trường THPT Chu Văn An	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	629,850	259,080	41%	
20	Trường THPT Phạm Văn Đồng	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.196,000	88,880	7%	
21	Trường THPT số 2 Mộ Đức	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.195,000	57,761	5%	
22	Trường THPT Trần Quang Diệu	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	645,450	-	0%	
23	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	865,000	57,357	7%	
24	Trường THPT số 1 Đức Phổ			-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.045,600	470,270	44,98%	
25	Trường THPT số 2 Đức Phổ	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	752,900	233,470	31%	
26	Trường THPT Lương Thế Vinh	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	703,800	54,095	8%	
27	Trường THPT Lý Sơn	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	342,000	65,305	19%	
28	Trường THPT Ba Tơ	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	626,500	-	0%	
29	Trường THPT Sơn Hà	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	955,000	-	0%	
30	Trường THPT Trà Bồng	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	32,200	22,837	71%	

31	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	282,000	-	0%	
32	Trường THPT Minh Long	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	279,500	63,780	23%	
33	Trường THPT Tây Trà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	541,000	122,920	23%	
34	Trường THPT Phạm Kiệt				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	307,320	-	0%	
35	Trường THPT Quang Trung	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	532,120	-	0%	
36	Trường THCS- THPT Phạm Kiệt	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	451,000	-	0%	
37	Trung tâm GDTX Tỉnh	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	500,000	-	0%	
38	Trường THCS- THPT Phó Mục Gia	-		-	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	739,000	160,710	22%	
39	Trường PTDTNT-THPT tỉnh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	413,950	-	0%	
40	Trung tâm hỗ trợ phát triển GDHN tỉnh				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
41	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Bình Sơn	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	318,500	183,781	58%	
42	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	395,200	125,150	32%	
43	Trung tâm GGNN-GDTX Khu vực Đức Phổ	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	719,950	314,420	44%	

44	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực Ba Tư	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	67,500	-	0%	
45	Trường Trung học phổ thông Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.000,000	241,722	24%	
46	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
47	Trường Trung học phổ thông Duy Tân				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.528,000	177,438	12%	
48	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Hà	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	568,230	-	0%	
49	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	768,950	-	0%	
50	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	937,165	-	0%	
51	Trường Trung học phổ thông Trần Phú	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	450,000	-	0%	
52	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Glei	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	254,050	141,420	56%	
53	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	700,000	-	0%	
54	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Sa Thầy	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	500,000	-	0%	
55	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Măng Đen	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	258,000	-	0%	
56	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Rve	-			

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	182,000	72,800	40%	
57	Trường THPT Phan Đình Phùng	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	179,140	-	0%	
58	Trường THPT Lê Lợi	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	574,600	-	0%	
59	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk tô	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	286,000	-	0%	
60	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	544,050	-	0%	
61	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Tu Mơ Rông	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	245,000	-	0%	
62	Trường THCS-THPT Ngô Mây	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	630,700	-	0%	
63	Trường THCS thực hành sư phạm Lý Tự Trọng	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	767,500	168,400	22%	
64	Trường Tiểu học thực hành sư phạm Ngụy Như Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
65	Trường Mầm non thực hành sư phạm Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	245,565	107,678	44%	
66	Trường THPT Trường Chinh	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	683,400	-	0%	
67	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	181,528	-	0%	
68	Trường THPT Phan Bội Châu				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	460,000	112,000	24%	
69	Trường THPT Phan Chu Trinh				

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	269,100	-	0%	
70	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.683,000	94,356	6%	
71	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Ia Tori				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	150,000	-	0%	
72	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục Thường xuyên Đắk Glei				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	75,000	-	0%	
73	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên Ngọc Hồi				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	39,480	-	0%	
74	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Tô				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	75,920	1,330	2%	
75	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Hà				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	134,160	81,700	61%	
76	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Sa Thầy				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	94,262	0,066	0%	
77	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Rẫy				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.252	-	0%	
78	Trung tâm GGNN-GDTX Kon Plông				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.115	-	0%	
79	Trung tâm GDNN- GDTX Tu Mơ Rông	-			
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	29,000	2,797	10%	
80	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Kon Tum				
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.727.000	2.950	0%	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.535.460,59	675.955,05		

1	Chi quản lý hành chính	21.551,38	7.528,05	35%	
	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	19.128,00	6.454,78		
	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	2.423,38	1.073,27		
II	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	1.513.909,20	668.427,00	44%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	1.199.033,00	529.024,86		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	314.876,20	139.402,14		
1	Văn phòng Sở GDĐT	45.962,84	14.463,11	31%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-	-		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	45.962,84	14.463,11		
2	Trường THPT Bình Sơn	24.499,00	13.213,54	54%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	23.154,00	10.953,99		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.345,00	2.259,55		
3	Trường THCS-THPT Vạn Tường	25.381,76	10.303,53	41%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	22.812,00	10.065,42		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.569,76	238,11		
4	Trường THPT Trần Kỳ Phong	28.127,87	13.785,005751	49%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	24.618,00	11.693,018		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.509,869	2.091,988		
5	Trường THPT Lê Quý Đôn	24.139,390	10.815,221	45%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	21.364,000	9.872,008		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.775,390	943,213		
6	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	29.781,15	13.735,24	46%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	26.848,0	11.630,69		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.933,15	2.104,55		
7	Trường THPT Ba Gia	24.773,62	11.491,98	46%	

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	22.513,00	10.371,59		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.260,62	1.120,38		
8	Trường THPT Sơn Mỹ	20.817,00	9.084,63	44%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.432,00	8.440,59		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.385,00	644,04		
9	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	31.020,47	14.465,99	47%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	29.489,00	13.125,19		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.531,47	1.340,80		
10	Trường THPT Chuyên Lê Kiết	55.132,79	24.517,49	44%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	34.168,00	16.045,64		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	20.964,79	8.471,85		
11	Trường THPT Lê Trung Đình	26.055,00	12.233,71	47%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	24.725,00	10.460,57		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.330,00	1.773,14		
12	Trường THPT số 1 Nghĩa Hành	21.921,66	9.624,79	44%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.052,00	8.568,59		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.869,66	1.056,20		
13	Trường THPT số 2 Nghĩa Hành	11.335,00	4.803,82	42%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.156,00	4.387,36		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.179,00	416,47		
14	Trường THPT số 1 Tư Nghĩa	24.295,00	10.239,00	42%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	23.095,00	10.232,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.200,00	7,00		
15	Trường THPT số 2 Tư Nghĩa	19.583,00	8.642,00	44%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.849,00	8.509,00		

	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	734,00	133,00		
16	TRƯỜNG THPT THU XÀ	19.001,00	7.922,24	42%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.301,00	7.922,24		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	700,00	-		
17	TRƯỜNG THPT PHẠM VĂN ĐỒNG	20.600,98	9.073,97	44%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.836,00	8.546,84		
	Kinh phí giao không thực hiện chế độ tự chủ	2.764,98	527,13		
19	TRƯỜNG THPT TRẦN QUANG DIỆU	20.181,00	9.043,61	45%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.180,00	8.474,21		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.001,00	569,40		
20	TRƯỜNG THPT SỐ 1 ĐỨC PHỔ	21.317,75	9.826,92	46,10%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.878,00	8.966,28		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.439,75	860,64		
21	TRƯỜNG THPT SỐ 2 ĐỨC PHỔ	17.177,43	7.106,21	41%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	16.202,00	7.009,31		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	975,43	96,90		
22	TRƯỜNG THPT BA TƠ	23.648,00	11.922,28	50%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.868,00	6.837,85		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.780,00	5.084,42		
23	TRƯỜNG THPT PHẠM KIẾT	13.639,00	6.301,72	46%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.743,00	3.038,08		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5.896,00	3.263,63		
24	TRƯỜNG THPT SƠN HÀ	20.897,00	9.705,35	46%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.026,00	5.896,23		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.871,00	3.809,13		

25	Trường THCS - THPT Phạm Kiệt	26.936,00	13.079,70	49%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.465,00	7.534,02		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.471,00	5.545,68		
26	Trường THPT Quang Trung	19.542,00	8.947,44	46%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.351,00	5.749,18		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	6.191,00	3.198,27		
27	Trường THPT Trà Bồng	25.904,60	11.863,34	46%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.435,60	7.965,77		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	7.469,00	3.897,57		
28	Trường THPT Đinh Tiên Hoàng	23.387,95	8.512,18	36%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.803,00	5.122,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	10.584,95	3.389,98		
29	Trường THPT Minh Long	15.626,00	6.606,24	42%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.911,00	5.533,64		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.715,00	1.072,60		
30	Trường THPT Tây Trà	20.438,85	7.404,17	36%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.942,00	3.994,77		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.496,85	3.409,40		
31	Trường THPT Lê Quý Đôn	23.041,00	10.816,22	47%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	21.698,00	9.873,01		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.343,00	943,21		
32	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	22.808,02	9.678,21	42%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	21.683,00	9.550,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.125,02	128,02		
33	Trường THPT Nguyễn Công Phương	14.029,85	6.695,12	48%	-

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.251,00	5.529,50		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.778,85	1.165,62		
34	Trường THPT Chu Văn An	19.596,00	9.186,28	47%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.563,00	8.460,32		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.033,00	725,96		
35	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	13.788,00	6.543,38	47%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	12.758,00	6.068,86		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.030,00	474,52		
36	Trường THPT Lương Thế Vinh	15.548,00	6.643,64	43%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.632,00	6.456,36		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	916,00	187,28		
37	Trung tâm GDTX Tỉnh	9.935,00	3.950,00	40%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	9.435,00	3.950,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	500,00	-		
38	Trường PTDTNT-THPT Tỉnh	35.240,20	12.258,20	35%	-
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	18.206,40	6.925,30		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	17.033,80	5.332,90		
39	Trung tâm Hỗ trợ phát triển GD Hòa nhập	8.727,00	3.885,27	45%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.448,00	3.725,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	279,00	160,27		
40	Trường THCS- THPT Phó Mục Gia	13.022,42	6.050,87	46%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	11.146,00	4.877,64		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.876,42	1.173,23		
41	Trung tâm GDNN - GDTX khu vực Bình Sơn	4.803,00	1.962,97	41%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.071,00	1.641,47		

	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	732,00	321,50		
42	Trung tâm GDNN-GDTX khu vực Mộ Đức	4.644,00	1.630,12	35%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.896,00	1.227,42		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	748,00	402,70		
43	Trung tâm GGNN-GDTX Khu vực Đức Phổ	5.461,00	1.976,31	36%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.661,00	1.959,06		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	800,00	17,25		
44	Trung tâm GDNN-GDTX Khu vực Ba Tơ	4.779,00	1.933,00	40%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.161,00	1.381,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.618,00	552,00		
45	Trường Trung học phổ thông Kon Tum	26.830,38	12.118,99	45%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	25.631,00	11.893,20		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.199,38	225,79		
46	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Kon Tum	27.985,00	13.555,19	48%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.699,00	7.972,76		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	10.286,00	5.582,43		
47	Trường Trung học phổ thông Duy Tân	23.392,34	11.961,19	51%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	21.361,00	10.132,79		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.031,34	1.828,41		
48	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Hà	30.138,00	15.881,99	53%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	26.462,00	12.873,43		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.676,00	3.008,56		
49	Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo	21.051,00	9.339,63	44%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	20.193,00	9.168,04		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	858,00	171,59		

50	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Trãi	24.278,00	11.282,40	46%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	23.215,00	10.675,50		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.063,00	606,90		
51	Trường Trung học phổ thông Trần Phú	21.705,00	10.338,71	48%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.005,00	7.447,55		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	4.700,00	2.891,16		
52	Trường phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Glei	30.556,00	12.664,97	41%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.037,00	7.443,85		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	13.519,00	5.221,11		
53	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Huệ	14.207,00	6.042,91	43%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.180,00	5.734,39		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.027,00	308,51		
54	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Sa Thầy	17.957,00	10.098,00	56%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.718,00	6.613,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.239,00	3.485,00		
55	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Măng Đen	26.344,00	10.561,00	40%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.870,00	5.834,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	12.474,00	4.727,00		
56	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk Rve	18.431,00	9.484,03	51%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.060,00	6.559,46		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.371,00	2.924,56		
57	Trường Trung học Phổ thông Phan Đình Phùng	8.882,00	4.331,31	49%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.903,00	3.635,82		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	979,00	695,49		
58	Trường Trung học Phổ thông Lê Lợi	17.656,00	8.480,14	48%	

	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	16.535,00	7.787,91		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.121,00	692,23		
59	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Đắk tô	24.714,59	9.443,18	38%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.888,00	5.812,77		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	10.826,59	3.630,41		
60	Trường Trung học phổ thông Nguyễn Văn Cừ	15.759,00	7.067,88	45%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	14.799,00	6.831,07		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	960,00	236,81		
61	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Tu Mơ Rông	25.147,00	9.905,07	39%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	13.207,00	5.109,09		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	11.940,00	4.795,98		
62	Trường THCS-THPT Ngô Mây	19.458,00	9.279,85	48%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	17.888,00	8.394,24		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.570,00	885,61		
63	Trường THCS thực hành sư phạm Lý Tự Trọng	24.369,00	10.297,00	42%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	23.769,00	10.292,50		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	600,00	4,50		
64	Trường Tiểu học thực hành sư phạm Ngụy Như Kon Tum	19.771,00	8.796,46	44%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	19.771,00	8.424,86		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	-	372		
65	Trường Mầm non thực hành sư phạm Kon Tum	11.606,00	5.144,94	44%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.878,00	4.833,96		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	728,00	310,98		
66	Trường THPT Trường Chinh	17.215,00	7.980,00	46%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	16.183,00	7.553,00		

	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.032,00	427,00		
67	Trường THPT chuyên Nguyễn Tất Thành	37.144,00	18.430,00	50%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	27.613,00	12.663,30		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	9.531,00	5.766,70		
68	Trường THPT Phan Bội Châu	9.040,00	3.684,57	41%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	8.540,00	3.681,57		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	500,00	3,00		
69	Trường THPT Phan Chu Trinh	8.797,00	3.727,24	42%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.247,00	3.131,68		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.550,00	595,565		
70	Trường THCS và THPT Liên Việt Kon Tum	24.220,00	11.558,60	48%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	23.167,00	10.413,51		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.053,00	1.145,09		
71	Trường Phổ thông dân tộc nội trú trung học phổ thông Ia Voi	19.043,00	7.429,32	39%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	10.483,00	4.408,70		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.560,00	3.020,62		
72	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Giáo dục Thường xuyên Đắk Glei	5.282,00	1.388,00	26%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.127,00	998,44		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.155,00	389,56		
73	Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên Ngọc Hồi	4.507,00	1.303,71	29%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.914,00	1.303,71		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	593,00	-		
74	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Tô	5.017,00	1.594,48	32%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.065,00	1.387,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	952,00	207,48		

75	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Đắk Hà	6.710,00	2.067,00	31%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	5.703,00	2.067,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.007,00	-		
76	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục Thường xuyên Sa Thầy	4.196,00	1.461,19	35%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	2.921,00	1.084,75		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	1.275,00	376,45		
77	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Rẫy	5.079,00	2.375,00	47%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	4.252,00	2.222,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	827,00	153,00		
78	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên Kon Plông	3.565,00	1.661,00	47%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.115,00	1.332,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	450,00	329,00		
79	Trung tâm GD Nghề nghiệp- GDTX Tu Mơ Rông	5.881,00	1.787,00	30%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	5.081,00	1.787,00		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	800,00	-		
80	Trung tâm Giáo dục thường xuyên Kon Tum	11.430,31	3.961,06	35%	
	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	7.727,00	2.949,61		
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	3.703,31	1.011,45		